ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**ĐOÀN XUÂN PHÚ**

**EXPLICITATION STRATEGIES IN TRANSLATION OF MILITARY TERMINOLOGY IN MILITARY TEXTS FROM ENGLISH INTO VIETNAMESE**

***(Chiến lược tường minh trong dịch thuật ngữ quân sự***

***trong các văn bản quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt)***

**CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ HỌC**

**Code: 9220201.01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**HÀ NỘI, 2024**

**Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Người hướng dẫn khoa học: | **:** | **1. PGS. TS. Lê Hùng Tiến****2. TS. Huỳnh Anh Tuấn** |
|  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Phản biện 1: Phản biện 2: Phản biện 3:  | . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . |

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ họp tại:

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

vào hồi giờ ngày tháng năm 2024

**Có thể tìm hiểu luận án tại:**

Thư viện Quốc gia Việt Nam

Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU

1.1. Bối cảnh và lý do của nghiên cứu

Trong bối cảnh hiện nay, khi toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ, mối quan hệ giữa các quốc gia ngày càng trở nên phức tạp và đa chiều. Việt Nam, với vị trí chiến lược tại khu vực Đông Nam Á, không chỉ chú trọng phát triển kinh tế mà còn đặc biệt quan tâm đến vấn đề quốc phòng và an ninh. Việc tiếp cận các tài liệu, văn bản quân sự và chiến lược quốc phòng quốc tế là một yếu tố quan trọng trong việc xây dựng và củng cố năng lực quốc phòng, đồng thời đảm bảo an ninh quốc gia.

Tiếng Anh, với vai trò là ngôn ngữ chính trong các văn bản quân sự quốc tế, đang ngày càng được sử dụng rộng rãi trong các tài liệu chiến lược, công ước quốc tế và các nghiên cứu về quốc phòng. Chính vì vậy, việc dịch chính xác và hiệu quả các thuật ngữ quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt trở thành một yêu cầu cấp thiết. Tuy nhiên, quá trình dịch thuật không phải là điều đơn giản, bởi các thuật ngữ quân sự thường mang tính chuyên ngành cao, có thể có những nét nghĩa đặc thù hoặc khác biệt so với những ngữ cảnh thông thường.

Nghiên cứu được thực hiện nhằm giải quyết vấn đề dịch thuật ngữ quân sự, với mục tiêu đảm bảo tính chính xác và phù hợp trong ngữ cảnh quốc phòng và an ninh quốc gia. Việc nghiên cứu các chiến lược dịch tường minh hiệu quả, phân tích sự khác biệt về ngữ nghĩa và cách thức sử dụng các thuật ngữ quân sự trong hai ngôn ngữ sẽ góp phần nâng cao chất lượng công tác dịch thuật, từ đó hỗ trợ tốt hơn cho việc áp dụng các tài liệu quốc phòng vào thực tiễn Việt Nam.

 1.2. Mục đích, mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu

Mục đích của nghiên cứu là khám phá và phân tích các chiến lược tường minh trong việc dịch thuật thuật ngữ quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt, nhằm hiểu rõ hơn về các phương pháp, bối cảnh và lý do áp dụng những chiến lược này trong quá trình dịch.

Mục tiêu nghiên cứu:

* Mục tiêu chính**:** Nghiên cứu nhằm khám phá các chiến lược tường minh trong dịch thuật thuật ngữ quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt.
* Mục tiêu cụ thể:

- Tìm các chiến lược tường minh được sử dụng trong dịch thuật các thuật ngữ quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

- Nghiên cứu bối cảnh và tình huống áp dụng các chiến lược tường minh trong dịch thuật quân sự.

- Khám phá nguyên nhân và lý do tại sao các chiến lược tường minh được sử dụng trong việc dịch thuật thuật ngữ quân sự, đồng thời phân tích hiệu quả của chúng trong việc đảm bảo tính chính xác và sự phù hợp trong ngữ cảnh quốc phòng.

Câu hỏi nghiên cứu:

1. Những chiến lược tường minh nào được sử dụng trong dịch thuật thuật ngữ quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt?
2. Các chiến lược tường minh này được áp dụng như thế nào và vì sao chúng lại được lựa chọn trong quá trình dịch thuật các thuật ngữ quân sự?

**1.3. Phạm vi của nghiên cứu**

Nghiên cứu nhằm tìm ra chiến lược tường minh trong dịch thuật thuật ngữ quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt, tập trung vào các thể loại văn bản hướng dẫn quân sự. Các tài liệu phân tích gồm 115 thể loại văn bản hướng dẫn quân sự "Corps Operations FM 3-92" và "Division Operations ATP 3-91". Các văn bản này được dịch bởi các chuyên gia dịch thuật thuộc Viện Nghiên Cứu – Bộ Quốc Phòng. Nghiên cứu xác định và phân loại các chiến lược tường minh như tường minh bắt buộc, mở rộng, tường minh ngữ dụng và ngữ vực. Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp kết hợp giữa định lượng và định tính giúp hiểu rõ hơn về thực tiễn dịch thuật quân sự.

1.4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp kết hợp phương pháp định lượng và định tính. Cụ thể, nghiên cứu sử dụng thiết kế theo phương pháp chuỗi giải thích theo thứ tự (Explanatory Sequential Method), bao gồm ba giai đoạn. Giai đoạn đầu là phân tích định tính để xác định các mẫu và xu hướng, tiếp theo là phân tích định lượng để xác định các chiến lược tường minh được sử dụng nhiều nhất và ít nhất. Cuối cùng, giai đoạn định tính thứ ba đi sâu vào các phát hiện, nguyên nhân mục đích và có cái nhìn tổng quan về tường minh trong dịch thuật ngữ quân sự.

1.5. Ý nghĩa của nghiên cứu

Nghiên cứu chiến lược tường minh trong dịch thuật thuật ngữ quân sự đóng góp đáng kể cho lĩnh vực dịch thuật, đặc biệt trong dịch thuật quân sự. Trước tiên, nghiên cứu nâng cao hiểu biết về các chiến lược dịch thuật thông qua phân tích sâu sắc chiến lược tường minh, làm sáng tỏ quy trình ra quyết định phức tạp khi truyền đạt thuật ngữ quân sự giữa các ngôn ngữ và văn hóa. Bên cạnh đó, nghiên cứu cung cấp hướng dẫn thực tiễn cho dịch giả, nâng cao chất lượng và độ chính xác của văn bản quân sự dịch, từ đó đảm bảo giao tiếp hiệu quả. Phân tích so sánh giữa các văn bản quân sự tiếng Anh và tiếng Việt cũng giúp hiểu rõ hơn về tác động của sự khác biệt ngôn ngữ và văn hóa đối với quá trình dịch.

1.6. Kết cấu của nghiên cứu

Nghiên cứu được tổ chức thành sáu chương, mỗi chương tập trung vào một khía cạnh cụ thể. Chương đầu tiên giới thiệu các khái niệm chính và đặt ra mục tiêu, câu hỏi nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu. Chương hai tổng hợp tài liệu liên quan đến chiến lược tường minh và những khó khăn thách thức trong dịch thuật ngữ quân sự. Chương ba trình bày phương pháp nghiên cứu, bao gồm phương pháp nghiên cứu hỗn hợp kết hợp định tính và định lượng. Chương bốn trình bày kết quả nghiên cứu; phân tích, nhấn mạnh các thuật ngữ quân sự và chiến lược tường minh trong quá trình dịch thuật ngữ. Chương năm bàn luận về ý nghĩa của các kết quả nghiên cứu, trong khi chương cuối tổng kết và đề xuất hướng nghiên cứu trong tương lai.

 CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN LÝ THUYẾT

Chương hai cung cấp tổng quan lý thuyết liên quan đến tường minh trong dịch thuật, đặc biệt trong bối cảnh dịch thuật ngữ văn bản quân sự. Mục tiêu là thiết lập một nền tảng lý thuyết toàn diện cho nghiên cứu bằng cách cung cấp cái nhìn tổng quan về các khái niệm, khung phân tích chiến lược tường minh trong dịch thuật ngữ quân sự.

2.1. Văn bản quân sự và thuật ngữ quân sự

Văn bản quân sự và thuật ngữ quân sự có một mối quan hệ mật thiết, đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo giao tiếp chính xác và hiệu quả trong môi trường quân đội. Văn bản quân sự là những tài liệu, chỉ thị, kế hoạch chiến lược và báo cáo dùng để truyền tải thông tin quan trọng giữa các cấp chỉ huy và các đơn vị quân đội. Những văn bản này đòi hỏi sự rõ ràng, chi tiết và không gây ra bất kỳ sự hiểu nhầm nào, bởi sự chính xác của thông tin có thể ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của các nhiệm vụ quân sự.

Thuật ngữ quân sự là các từ ngữ chuyên ngành, biểu thị các khái niệm và phương thức tác chiến trong lĩnh vực quân sự. Những thuật ngữ này không chỉ mang tính kỹ thuật mà còn giúp tạo ra sự thống nhất trong tư duy và hành động của các lực lượng vũ trang. Chúng là công cụ cần thiết để diễn đạt chính xác các khái niệm chuyên môn trong các văn bản quân sự.

Mối quan hệ giữa văn bản quân sự và thuật ngữ quân sự chính là sự bổ trợ lẫn nhau: các thuật ngữ giúp làm rõ thông điệp trong các văn bản quân sự, trong khi văn bản quân sự cung cấp bối cảnh để các thuật ngữ này được hiểu đúng. Vì vậy, việc sử dụng và dịch thuật chính xác các thuật ngữ quân sự là rất quan trọng, đặc biệt trong các tình huống hợp tác quân sự quốc tế, nơi sự chính xác và hiểu biết chung là yếu tố then chốt.

2.2. Tương đương trong dich thuật và chiến lược dịch

Trong dịch thuật, "tương đương" là một khái niệm quan trọng, đề cập đến sự chuyển tải ý nghĩa, thông điệp và cảm xúc từ ngôn ngữ nguồn (SL - Source Language) sang ngôn ngữ đích (TL - Target Language) một cách chính xác và tự nhiên nhất. Tương đương không chỉ đơn giản là việc dịch từng từ mà là khả năng duy trì sự phù hợp về nghĩa trong ngữ cảnh văn hóa và chức năng của câu. Sự tương đương trong dịch thuật có thể được hiểu qua các khía cạnh như tương đương về từ vựng, ngữ pháp, hay chức năng giao tiếp của văn bản.

Trong dịch thuật ngữ quân sự, việc đạt được sự tương đương là rất quan trọng, bởi những sai lệch dù nhỏ cũng có thể gây ra sự hiểu nhầm và ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả của các hoạt động quân sự. Tuy nhiên, sự tương đương tuyệt đối không phải lúc nào cũng có thể đạt được, do sự khác biệt về văn hóa, xã hội và hệ thống ngôn ngữ giữa các ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích.

Chiến lược dịch là các phương pháp và kỹ thuật mà người dịch sử dụng để giải quyết các vấn đề về tương đương trong quá trình dịch thuật. Các chiến lược này có thể bao gồm:

Dịch trực tiếp (literal translation): Dịch sát nghĩa, giữ nguyên cấu trúc câu và từ ngữ trong ngôn ngữ gốc.

Dịch thích nghi (adaptation): Điều chỉnh nội dung để phù hợp hơn với bối cảnh văn hóa của ngôn ngữ đích.

Dịch tường minh (explicitation): Làm rõ hoặc giải thích các yếu tố không rõ ràng trong văn bản nguồn, giúp người đọc đích hiểu rõ hơn.

Tùy thuộc vào loại văn bản và mục đích dịch, người dịch sẽ lựa chọn các chiến lược dịch phù hợp để đảm bảo tính chính xác và hiệu quả trong việc truyền đạt thông tin từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, đồng thời duy trì được sự tự nhiên và dễ hiểu của văn bản đích.

2.3. Chiến lược tường minh

Tường minh trong nghiên cứu dịch thuật là quá trình làm rõ thông tin ngầm trong văn bản nguồn (ST) để trở nên rõ ràng hơn trong văn bản đích (TL).

***2.3.1. Quan điểm về chiến lược tường minh***

Khái niệm này bắt nguồn từ công trình của Vinay và Darbelnet (1958), họ mô tả explicitation là kỹ thuật làm rõ nghĩa để giảm sự phụ thuộc vào ngữ cảnh. Các học giả như Sager và Hamer (1995) mở rộng khái niệm này, cho rằng explicitation giúp đưa thông tin ngầm thành rõ ràng hơn trong ngữ cảnh của ngôn ngữ đích. Baker (1996) và Delisle et al. (1999) nhấn mạnh rằng explicitation không chỉ là một lựa chọn kỹ thuật mà còn là một xu hướng chung trong dịch thuật để tăng tính rõ ràng. Trong việc dịch thuật thuật ngữ quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt, explicitation đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính chính xác và rõ ràng, đồng thời phản ánh quá trình nhận thức và chiến lược của người dịch (Heltai, 2005; Dimitrova, 2003).

2.3.2. Phân loại chiến lược tường minh

 Nida (1964) mô tả explicitation qua các "thêm vào", bao gồm hoàn thiện các biểu thức thiếu, điều chỉnh ngữ pháp, và làm rõ ý nghĩa ngầm trong ngữ cảnh. Blum-Kulka (1986) đề xuất giả thuyết explicitation, cho rằng quá trình dịch thuật tự động dẫn đến mức độ rõ ràng hơn trong văn bản đích so với văn bản nguồn. Séguinot (1988) phân loại explicitation thành ba dạng: bổ sung thông tin, làm rõ ý nghĩa ngầm, và nhấn mạnh một yếu tố quan trọng trong bản dịch. Vanderauwera (1985) chia explicitation thành các kỹ thuật như sử dụng thán từ, mở rộng các đoạn văn ngắn gọn, thêm các từ nối và thông tin bổ sung. Klaudy (2009) phân loại explicitation thành bốn loại: bắt buộc, tùy chọn, thực tiễn, và vốn có của dịch thuật. Phân loại của Klaudy giúp giải quyết các thách thức khác nhau trong dịch thuật, từ sự khác biệt ngữ pháp đến sự thiếu hụt kiến thức văn hóa. Khi dịch thuật các thuật ngữ quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt, explicitation trở thành một chiến lược quan trọng để làm rõ các thuật ngữ chuyên ngành và đảm bảo tính chính xác. Việc áp dụng kết hợp lý thuyết của Klaudy và Nida cho phép người dịch xử lý các yếu tố ngữ pháp và văn hóa trong văn bản quân sự.

2.4. Cách sử dụng và chức năng của chiến lược tường minh trong việc dịch thuật các thuật ngữ quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

2.4.1. Tương minh bắt buộc

Tường minh bắt buộc trong dịch thuật quân sự liên quan đến việc bổ sung thông tin để đảm bảo bản dịch phù hợp với các quy tắc ngôn ngữ và cấu trúc cú pháp của ngôn ngữ đích. Ví dụ, thuật ngữ tiếng Anh "Defense of the River Line" được dịch sang tiếng Việt là "phòng ngự theo tuyến vật cản nước," trong đó có thêm cụm "vật cản nước" để làm rõ vai trò của con sông như một chướng ngại vật phòng thủ. Tương tự, "Bolster Defense" được dịch là "Củng cố công sự phòng ngự," trong đó "công sự" được thêm vào để làm rõ loại hình phòng thủ đang được củng cố. Thuật ngữ "Defense Receipts" được dịch thành "Tổng số tiền đưa vào quỹ bộ quốc phòng từ nước ngoài," với thông tin bổ sung về nguồn gốc và mục đích của các khoản tiền. Những thông tin bổ sung này giúp bản dịch trở nên rõ ràng, tránh sự mơ hồ và đảm bảo sự phù hợp văn hóa, ngữ cảnh của ngôn ngữ đích.

2.4.2. Tường minh thêm thắt

Tường minh thêm thắt trong dịch thuật quân sự liên quan đến việc bổ sung thông tin để đảm bảo các thuật ngữ và khái niệm quân sự được hiểu rõ ràng trong ngôn ngữ đích. Ví dụ, câu "The commander must consider that the loss of a platoon position may compromise the entire company's defense" được dịch sang tiếng Việt là "Người chỉ huy cũng phải cân nhắc tới tình huống khi mất một trung đội có thể gây nguy hiểm cho toàn bộ khả năng phòng ngự của đại đội," trong đó từ "khả năng" được thêm vào để nhấn mạnh khả năng phòng thủ của đại đội, không chỉ là một vị trí phòng ngự tĩnh. Amplification cũng quan trọng khi giải thích các từ viết tắt và acronyms như "DEFCON," ví dụ, "Trạng thái sẵn sàng phòng ngự (DEFCON)," để cung cấp thông tin rõ ràng cho người đọc. Việc bổ sung thông tin như vậy giúp người đọc hiểu đúng ngữ cảnh và đảm bảo tính chính xác trong các văn bản quân sự. Amplification giúp chuyển tải ý nghĩa đầy đủ và phù hợp với ngữ cảnh chiến thuật và hoạt động quân sự.

2.4.3. Tường minh ngữ dụng

Tường minh ngữ dụng trong dịch thuật quân sự là việc bổ sung thông tin giải thích để làm rõ các thuật ngữ và khái niệm quân sự, giúp người đọc từ các nền văn hóa khác nhau hiểu đúng ý nghĩa. Ví dụ, thuật ngữ "Collective Defense" (Phòng thủ tập thể) được giải thích thêm là "khái niệm mà một cuộc tấn công vào một quốc gia trong liên minh sẽ được coi là tấn công vào tất cả các quốc gia," giúp người đọc hiểu rõ hơn về nguyên tắc phòng thủ chung trong các liên minh như NATO. Việc bổ sung thông tin này là cần thiết vì các nền văn hóa có thể có hiểu biết khác nhau về các khái niệm quân sự, đặc biệt là khi họ không quen thuộc với các tổ chức hoặc chiến lược quân sự phương Tây. Thêm vào đó, pragmatic explicitation giúp chuyển đổi các khái niệm ngầm định thành kiến thức rõ ràng, như trong việc giải thích "hỏa lực sát mặt đất" để làm rõ loại hỏa lực nhắm vào mục tiêu gần mặt đất. Việc này đảm bảo rằng các thuật ngữ quân sự được hiểu chính xác và không gây ra sự nhầm lẫn, đặc biệt đối với những người không quen với ngôn ngữ quân sự chuyên ngành.

2.4.4. Tường minh ngữ vực

Tương minh ngữ vực trong dịch thuật quân sự liên quan đến việc điều chỉnh mức độ trang trọng của ngôn ngữ để phù hợp với ngữ cảnh và văn hóa mục tiêu. Ví dụ, thuật ngữ "Defense troops" được dịch sang tiếng Việt là "Quân phòng ngự," giúp làm rõ tính trang trọng và nghiêm túc trong ngữ cảnh quân sự. Việc điều chỉnh này đảm bảo rằng người đọc nhận thức được đúng mức độ trang trọng và ngữ điệu của thuật ngữ. Một ví dụ khác là "Defense transport," được dịch là "Vận tải phục vụ phòng ngự," giúp làm rõ mục đích và phạm vi của thuật ngữ trong bối cảnh quân sự, đồng thời duy trì tính trang trọng. Các thuật ngữ quân sự như "Lực lượng đặc nhiệm" không chỉ phản ánh sự chính xác về ngữ nghĩa mà còn truyền tải được vị trí và tầm quan trọng trong hệ thống quân đội, đảm bảo sự hiểu biết đúng đắn về các đơn vị quân sự và cấu trúc quyền lực.

2.5. Phương pháp tiếp cận dựa trên khối liệu

***2.5.1. Nghiên cứu dịch thuật dựa trên khối liệu***

Phương pháp tiếp cận dựa trên cơ sở dữ liệu (corpus-based) đã trở thành một phương pháp quan trọng trong nghiên cứu dịch thuật, giúp phân tích có hệ thống các xu hướng và chiến lược dịch qua các tập hợp văn bản lớn. Trong nghiên cứu dịch thuật quân sự, phương pháp này rất hữu ích để xác định các chiến lược dịch như explicitation (làm rõ nghĩa) và đánh giá hiệu quả của chúng trong việc truyền tải chính xác thuật ngữ quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Bằng cách sử dụng các tập dữ liệu lớn, nghiên cứu có thể phát hiện những mẫu dịch lặp lại và khó khăn trong việc dịch thuật các thuật ngữ quân sự chuyên ngành. Phương pháp này không chỉ giúp cải thiện chất lượng dịch thuật mà còn cung cấp cái nhìn sâu sắc về các yếu tố văn hóa và ngữ cảnh ảnh hưởng đến dịch thuật. Mặc dù có một số hạn chế như không thể hoàn toàn nắm bắt ý định của người dịch, nhưng phương pháp này vẫn là công cụ quan trọng trong nghiên cứu và cải thiện dịch thuật, đặc biệt là trong các lĩnh vực chuyên ngành như dịch thuật quân sự.

***2.5.2. Các thể loại khối liệu***

Phương pháp tiếp cận dựa trên cơ sở dữ liệu (CTS) sử dụng nhiều loại corpus khác nhau, bao gồm corpus đơn ngữ, song ngữ, song song và tương đương, để phân tích các chiến lược dịch và mẫu ngôn ngữ trong nghiên cứu dịch thuật. Các loại corpus này có mục đích khác nhau, từ phân tích sự thay đổi ngôn ngữ đến khảo sát các chiến lược dịch, và có thể được phân loại theo đặc điểm đồng thời (synchronic) hoặc phát triển theo thời gian (diachronic). Việc áp dụng CTS vào dịch thuật quân sự, đặc biệt là trong việc phân tích các chiến lược explicitation (làm rõ nghĩa) trong dịch thuật thuật ngữ quân sự, giúp phát hiện các mẫu ngữ pháp và chiến lược phổ biến. Nghiên cứu này đóng góp vào việc hiểu rõ hơn về quá trình dịch thuật quân sự, đồng thời cung cấp thông tin quý giá cho cả nghiên cứu học thuật và thực tế dịch thuật.

 Chapter 3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Cơ sở triết học của nghiên cứu

Epistemology (tri thức luận) của nghiên cứu là Relational, tức là nhấn mạnh vào các mối quan hệ giữa các yếu tố trong quá trình dịch thuật. Điều này giúp hiểu rõ cách thức tường minh trong hoạt động trong việc dịch các thuật ngữ quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt, khi các yếu tố như ngữ cảnh, văn hóa và sự khác biệt ngôn ngữ có ảnh hưởng lớn đến quyết định dịch thuật.

Ontology (vấn đề bản thể học) của nghiên cứu là Non-Singular Reality, tức là cho rằng không có một thực tại duy nhất trong ngữ nghĩa của ngôn ngữ và dịch thuật. Dịch thuật không phải là một quá trình đơn giản mà luôn bị ảnh hưởng bởi các yếu tố văn hóa, ngữ cảnh và sự khác biệt ngôn ngữ. Vì vậy, tường minh trong dịch thuật có thể thay đổi tùy theo người dịch, văn hóa và ngữ cảnh cụ thể. Điều này khẳng định rằng mỗi bản dịch đều có sự biến đổi và không có một cách dịch "chuẩn mực" duy nhất.

Axiology (giá trị học) của nghiên cứu này là Value-Laden, nhấn mạnh giá trị thực tiễn của nghiên cứu, đặc biệt là trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả dịch thuật. Việc nghiên cứu chiến lược tường minh giúp các dịch giả cải thiện kỹ năng dịch thuật quân sự, đảm bảo tính chính xác và sự phù hợp về mặt ngữ cảnh. Đồng thời, việc hiểu rõ khi và cách sử dụng explicitation giúp dịch giả dễ dàng xử lý các thuật ngữ quân sự khó hiểu và nâng cao chất lượng dịch thuật.

3.2. Kết cấu của nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng kết cấu tuần tự giải thích (Explanatory Sequential Design), là một phương pháp nghiên cứu trong nghiên cứu hỗn hợp (mixed-methods research), nơi việc thu thập và phân tích dữ liệu định lượng (quantitative data) được thực hiện trước, sau đó là thu thập và phân tích dữ liệu định tính (qualitative data) để giải thích và làm rõ thêm những phát hiện từ giai đoạn **trước.** Phase 1 (Phương pháp định tính) tập trung vào việc phân tích các ví dụ dịch thuật quân sự, xác định các chiến lược tường minh như tường minh thêm thắt (amplification), tường minh bắt buộc (obligatory explicitation), và tường minh ngữ vực (register markedness). Ví dụ, khi dịch thuật các thuật ngữ như "air support" hay "rules of engagement," các dịch giả có thể thêm thông tin giải thích để làm rõ nghĩa cho người đọc. Phase 2 (Phương pháp định lượng) đo lường tần suất sử dụng các chiến lược explicitation trong các bản dịch, cho thấy khuếch đại là chiến lược phổ biến nhất. Phase 3 (Phương pháp định tính) tìm hiểu lý do và bối cảnh đằng sau các lựa chọn dịch thuật, làm rõ cách và lý do các dịch giả áp dụng chiến lược tường minh, qua đó cung cấp cái nhìn sâu sắc về quyết định của dịch giả trong môi trường quân sự.

3.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu kết hợp phương pháp định lượng và định tính để nghiên cứu các chiến lược tường minh trong dịch thuật quân sự giữa tiếng Anh và tiếng Việt. Phương pháp định lượng dựa trên kho khối liệu song song Anh việt để phân tích các chiến lược tường minh, tường minh thêm thắt (amplification), tường minh bắt buộc (obligatory explicitation), và tường minh ngữ vực (register markedness). Phương pháp này giúp xác định tần suất và xu hướng sử dụng các chiến lược này trong các văn bản quân sự, đồng thời hỗ trợ nghiên cứu các thuật ngữ quân sự chính xác. Phương pháp định tính bổ sung cho phương pháp định lượng bằng cách khám phá lý do và bối cảnh đằng sau các lựa chọn dịch thuật, ví dụ qua phân tích chủ đề hoặc phỏng vấn dịch giả chuyên nghiệp. Phương pháp định tính giúp hiểu rõ hơn các yếu tố văn hóa và ngữ cảnh ảnh hưởng đến các chiến lược explicitation, đặc biệt trong các văn bản quân sự có tính đặc thù cao. Sự kết hợp của cả hai phương pháp giúp đảm bảo nghiên cứu toàn diện và sâu sắc, với việc sử dụng phương pháp định tính để giải thích các kết quả định lượng, từ đó làm rõ động cơ và quyết định của dịch giả. Nghiên cứu cũng góp phần vào việc cải thiện chất lượng dịch thuật quân sự, đặc biệt là trong bối cảnh Việt-Anh, nơi có ít nghiên cứu tương tự.

3.4. Khung phân tích

Khung phân tích cho luận văn này được xây dựng dựa trên bốn chiến lược tường minh được xác định bởi Nida (1964) và Klaudy (2009). Những chiến lược này được chọn lựa cẩn thận để hỗ trợ phân tích việc dịch các văn bản quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt, với đặc thù ngôn ngữ chuyên ngành của lĩnh vực quân sự. Bốn chiến lược này bao gồm (i) Tường minh thêm thắt (Amplification), (ii) Tường minh bắt buộc (Obligatory Explicitation), (iii) Tường minh ngữ vực (Register Markedness), và (iv) Tường minh ngữ dụng (Pragmatic Explicitation). Mỗi chiến lược này có vai trò riêng trong việc giải quyết những thách thức đặc biệt khi dịch thuật các thuật ngữ quân sự và đảm bảo rằng bản dịch rõ ràng, chính xác và phù hợp với bối cảnh văn hóa.

Tường minh thêm thắt (Amplification) là việc thêm thông tin hoặc giải thích chi tiết các thuật ngữ hoặc khái niệm có thể không rõ ràng trong ngôn ngữ đích. Ví dụ, các thuật ngữ quân sự có những sắc thái văn hóa hoặc kỹ thuật có thể cần được mở rộng thêm bối cảnh để đảm bảo người đọc hiểu đúng nghĩa. Chiến lược mở rộng thường được sử dụng để làm rõ các thuật ngữ mơ hồ, các chữ viết tắt hoặc các khái niệm phức tạp bằng cách cung cấp thêm chi tiết hoặc thông tin về quy trình. Mở rộng rất quan trọng trong dịch thuật quân sự vì nó lấp đầy khoảng trống khi không có từ tương đương trực tiếp trong ngôn ngữ đích, ngăn ngừa hiểu lầm và đảm bảo tính rõ ràng trong các bối cảnh chuyên ngành. Mục đích chính của chiến lược này là nâng cao sự hiểu biết và đảm bảo nghĩa của văn bản gốc được truyền đạt chính xác đến đối tượng mục tiêu.

Tường minh bắt buộc (Obligatory Explicitation) xảy ra khi một thuật ngữ hoặc khái niệm trong ngôn ngữ nguồn không có tương đương trực tiếp trong ngôn ngữ đích hoặc có thể gây hiểu lầm. Chiến lược này yêu cầu bổ sung thông tin giải thích để làm rõ ý nghĩa. Trong dịch thuật quân sự, chiến lược này đặc biệt quan trọng đối với các thuật ngữ kỹ thuật hoặc pháp lý, nơi không có sự tương ứng trực tiếp trong ngôn ngữ đích. Giải thích bắt buộc đảm bảo rằng thông tin ngầm trong văn bản nguồn được làm rõ trong ngôn ngữ đích, giúp đối tượng người đọc hiểu đầy đủ ý nghĩa. Chiến lược này cầu nối các khoảng cách ngôn ngữ hoặc văn hóa và ngăn ngừa hiểu lầm, đặc biệt quan trọng đối với các thuật ngữ quân sự chuyên ngành cần độ chính xác cao.

Tường minh ngữ vực (Register Markedness) đề cập đến việc dịch các lựa chọn ngôn ngữ phản ánh mức độ trang trọng, kỹ thuật hay sắc thái ngữ điệu nhất định. Chiến lược này làm nổi bật sự thay đổi về phong cách giao tiếp, chẳng hạn như việc sử dụng các thuật ngữ quân sự trang trọng hoặc các từ ngữ lịch sự khi nói với cấp trên trong quân đội. Người dịch sẽ điều chỉnh tông ngữ theo đối tượng người đọc, ví dụ như người lính so với người dân. Trong môi trường quân sự, dấu ấn văn phong rất quan trọng vì giao tiếp thường liên quan đến các cấu trúc phân cấp, nơi sự tôn trọng, quyền lực và chuyên nghiệp phải được thể hiện qua ngôn ngữ. Việc sử dụng đúng mức độ trang trọng là cần thiết để đảm bảo bản dịch phù hợp với các chuẩn mực và kỳ vọng của văn hóa mục tiêu, đặc biệt trong các tình huống có tính chất nghiêm túc như quân đội.

Tường minh ngữ dụng (Pragmatic Explicitation) liên quan đến những kiến thức văn hóa hoặc bối cảnh mà có thể không được chia sẻ giữa ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích. Trong các văn bản quân sự, một số thành ngữ, tham chiếu văn hóa hoặc thông tin nền có thể được giả định trong ngôn ngữ nguồn nhưng lại không được hiểu bởi người đọc ngôn ngữ đích. Chiến lược này yêu cầu bổ sung bối cảnh hoặc thông tin nền để làm cho văn bản trở nên phù hợp với văn hóa và bối cảnh của người đọc. Giải thích thực tế giúp đảm bảo rằng thông điệp được truyền đạt chính xác, đặc biệt trong các hợp tác quân sự xuyên văn hóa, nơi kiến thức và kỳ vọng của các bên có thể khác nhau. Cách tiếp cận này cầu nối các khoảng cách trong sự hiểu biết chung, đảm bảo rằng văn bản được truyền đạt đúng nghĩa và không gây nhầm lẫn.

3.5. Quy trình thu thập dữ liệu

3.5.1. Xây dựng kho khối liệu

Để đảm bảo dữ liệu đầy đủ cho nghiên cứu, một Corpus song ngữ Quân sự Anh-Việt (EVMPC) đã được xây dựng, bao gồm 115 **văn bản** quân sự  **được sử dụng trong q**uân đội Mỹ, như các sách hướng dẫn về chiến thuật và chiến lược tác chiến. Quá trình xây dựng corpus bắt đầu từ việc thu thập văn bản, lựa chọn những tài liệu quân sự chính thống, sau đó số hóa tài liệu giấy bằng công nghệ nhận dạng ký tự quang học (OCR) và lưu trữ dưới dạng tệp Word. Các văn bản đã qua chỉnh sửa, sửa lỗi nhận dạng và hiệu đính kỹ càng qua ba vòng để đảm bảo độ chính xác. Sau đó, tiến hành căn chỉnh câu tự động giữa văn bản gốc và bản dịch thông qua các phương pháp căn chỉnh dựa trên độ dài câu hoặc từ vựng, giúp tạo ra một corpus chất lượng cao, có thể ứng dụng trong nghiên cứu dịch thuật và phát triển công cụ dịch máy. Cuối cùng, kết quả căn chỉnh tự động được kiểm tra và hiệu chỉnh thủ công để đảm bảo tính chính xác. Dự án cũng chú trọng đến việc tuân thủ quyền tác giả và các quy định đạo đức trong việc lựa chọn và xử lý tài liệu.

3.5.2. Thuật ngữ được chọn để phân tích

Các thuật ngữ quân sự như defense, forces, operations, battle, combat, and firing được chọn vì tần suất xuất hiện cao trong các tài liệu quân sự. Việc chọn lựa các thuật ngữ này giúp nghiên cứu phân tích cách các chiến lược **tường minh** được áp dụng khi dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt, từ các khái niệm trừu tượng đến các hành động cụ thể. Điều này góp phần làm rõ cách thức duy trì độ chính xác và sự rõ ràng trong bản dịch quân sự.

3.6. Quy trình phân tích dữ liệu

Dưới đây là các bước phân tích dữ liệu trong nghiên cứu về chiến lược tường minh khi dịch thuật các thuật ngữ quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt:

Bước 1: Phân Tích Tần Suất

* Phân tích tần suất xuất hiện của thuật ngữ "defense" trong các văn bản quân sự tiếng Anh và bản dịch tiếng Việt.
* Ví dụ: Nếu "defense" xuất hiện 30 lần trong văn bản tiếng Anh, chúng ta sẽ xem xét cách dịch của nó trong tiếng Việt, xác định có sự thay đổi, lược bỏ hay bổ sung nào không.

Bước 2: Phân Tích Kết Hợp Từ

* Tiến hành phân tích kết hợp từ (collocation analysis) để kiểm tra các từ hay cụm từ đi kèm với "defense" trong văn bản gốc.
* Ví dụ: Trong tiếng Anh, "defense" thường đi kèm với các từ như "strategy", "forces", "capabilities", v.v. Kiểm tra xem các cụm từ này có được dịch chính xác sang tiếng Việt như "chiến lược phòng thủ" hay "lực lượng phòng thủ" không.

Bước 3: Nhận Diện Các Chiến Lược Giải Thích

* Xác định các chiến lược giải thích (explicitations) trong bản dịch tiếng Việt.
* Ví dụ: Nếu trong văn bản tiếng Anh nói đến "national defense", bản dịch có thể sử dụng "quốc phòng" để làm rõ ngữ cảnh văn hóa và chính trị.

Bước 4: Phân Loại Các Chiến Lược Giải Thích

* Phân loại các explicitations theo các chiến lược:
	+ Amplification: Mở rộng nghĩa, thêm chi tiết để giải thích rõ ràng.
	+ Register Markedness: Điều chỉnh ngữ điệu và mức độ trang trọng của ngôn ngữ.
	+ Obligatory Explicitation: Bổ sung thông tin cần thiết khi từ vựng trong tiếng Anh không có đối ứng trực tiếp trong tiếng Việt.

Bước 5: Phân Tích Định Lượng

* Đếm tần suất của mỗi chiến lược giải thích để xác định chiến lược nào được sử dụng phổ biến nhất.
* Ví dụ: Nếu chiến lược amplification xuất hiện 15 lần, obligatory explicitation 10 lần, và pragmatic explicitation 5 lần, ta sẽ phân tích xu hướng sử dụng các chiến lược này.

Bước 6: Phân Tích Định Tính

* Khám phá lý do tại sao các chiến lược giải thích cụ thể được chọn trong từng trường hợp.
* Ví dụ: Tại sao "quốc phòng" lại được chọn thay vì "phòng thủ"? Điều này có thể liên quan đến các yếu tố văn hóa, sự rõ ràng và yêu cầu chính xác trong ngữ cảnh quân sự Việt Nam.

Qua các bước này, nghiên cứu sẽ làm rõ cách thức các chiến lược giải thích được áp dụng trong việc dịch thuật thuật ngữ quân sự, từ đó giúp nâng cao độ chính xác và hiệu quả của bản dịch giữa tiếng Anh và tiếng Việt trong lĩnh vực quân sự.

Chương 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CƯU VÀ THẢO LUẬN

Chương này trình bày kết quả nghiên cứu trực tiếp trả lời các câu hỏi nghiên cứu về chiến lược explicitation trong việc dịch thuật thuật ngữ quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Cụ thể, chương này phân tích các chiến lược tường minhđược sử dụng khi dịch các thuật ngữ quân sự. Các chiến lược này được trình bày theo hai câu hỏi nghiên cứu, với phần đầu tiên (4.1) liệt kê và đếm tần suất sử dụng các chiến lược, trong khi phần thứ hai (4.2) phân tích cách thức và lý do sử dụng chúng. Phân tích kết quả sẽ giúp làm rõ sự ảnh hưởng của các yếu tố ngôn ngữ và văn hóa trong việc dịch thuật quân sự, từ đó nâng cao độ rõ ràng và hiệu quả của bản dịch tiếng Việt.

4.1. Các chiến lược tường minh và tần suất xuất hiện

Nghiên cứu này tập trung vào việc xác định các chiến lược tường minh trong dịch thuật thuật ngữ quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt, sử dụng các lý thuyết của Nida (1964) và Klaudy (2009). Tổng cộng có 304 trường hợp áp dụng chiến lược tường minh. Các chiến lược tường minh được phân loại gồm: Amplification (Tường minh thêm thắt), Obligatory Explicitation (Tường minh bắt buộc), Register Markedness (Tường minh ngữ vực) và Pragmatic Explicitation (Tường minh thực dụng).

Amplification (Tường minh thêm thắt), được sử dụng để thêm thông tin hoặc làm rõ các thuật ngữ phức tạp, ví dụ như từ "Defense Template" được dịch là "thước chỉ huy (có số liệu tính toán sẵn trong điều kiện phòng ngựObligatory Explicitation (Tường minh bắt buộc) yêu cầu thêm thông tin do ngôn ngữ đích cần chi tiết hơn để truyền tải chính xác ý nghĩa. Register Markedness (Tường minh ngữ vực)đảm bảo bản dịch duy trì mức độ trang trọng và kỹ thuật phù hợp với văn bản gốc, trong khi Pragmatic Explicitation (Tường minh ngữ dụng**)** giải thích các thông tin ngầm định hoặc phụ thuộc vào ngữ cảnh.

Phân tích dữ liệu cho thấy Obligatory Explicitation là chiến lược phổ biến nhất, chiếm 44,74% tổng số lượt sử dụng, tiếp theo là Amplification với 28,57%. Register Markedness chiếm 17,39%, và Pragmatic Explicitation chỉ chiếm 9,21%. Kết quả này cho thấy, trong dịch thuật quân sự, sự rõ ràng và chính xác là ưu tiên hàng đầu, trong khi các yếu tố ngữ điệu và ngữ cảnh đóng vai trò phụ.

4.1.1. Tường minh trong dịch thuật ngữ “defense”

Chương 4.1.1 phân tích chiến lược explicitation trong việc dịch thuật từ "Defense" (Phòng thủ). Thuật ngữ này xuất hiện 32 lần trong bộ dữ liệu, cho thấy tính quan trọng của nó trong bối cảnh quân sự. Chiến lượ**c** "Obligatory Explicitation" (tường minh bắt buộc) chiếm tỷ lệ cao nhất với 13 lần (40,63%), cho thấy sự cần thiết phải truyền đạt đầy đủ thông tin để đảm bảo tính chính xác và rõ ràng trong giao tiếp quân sự. Tiếp theo, chiến lượ**c "Amplification"** được sử dụng 10 lần (31,25%), nhằm cung cấp thêm bối cảnh hoặc chi tiết giải thích giúp tăng cường sự hiểu biết. "Register Markedness" (xuất hiện 6 lần (18,75%), phản ánh sự điều chỉnh về mức độ trang trọng và tính chuyên môn của bản dịch. Cuối cùng, chiến lược "Pragmatic Explicitation" được sử dụng ít nhất, chỉ 3 lần (9,38%), cho thấy đối tượng đọc giả đã quen thuộc với thuật ngữ này. Tổng thể, kết quả cho thấy sự cần thiết của việc sử dụng các chiến lượ**c** tường minh đa dạng để nâng cao sự rõ ràng và chính xác trong dịch thuật quân sự.

4.1.2. Tường minh trong dịch thuật ngữ “forces’

Chiến lược "Obligatory Explicitation" chiếm tỷ lệ cao nhất với 36 lần (47,37%), nhấn mạnh sự cần thiết của độ chính xác và rõ ràng trong giao tiếp quân sự. "Amplification" xuất hiện 22 lần (28,95%), đóng vai trò cung cấp thêm thông tin chi tiết để làm rõ các khái niệm phức tạp. "Register Markedness" (đánh dấu phong cách) được sử dụng 11 lần (14,47%), cho thấy việc điều chỉnh mức độ trang trọng và chuyên môn của bản dịch, nhưng vẫn không quan trọng bằng sự rõ ràng. Cuối cùng, "Pragmatic Explicitation" (giải thích thực tiễn) chỉ chiếm 7 lần (9,21%), cho thấy đối tượng đọc giả đã quen thuộc với thuật ngữ này, nên bản dịch có thể giữ sự đơn giản và trực tiếp.

4.1.3. Explicitation in Translation of Term “Operations”

Chiến lược Amplification và Obligatory Explicitation mỗi chiến lược chiếm 36,84% (21 lần), cho thấy rằng việc cung cấp thêm bối cảnh và thông tin chi tiết là cần thiết để đảm bảo sự hiểu biết rõ ràng và chính xác. Việc sử dụng hai chiến lược này nhấn mạnh tầm quan trọng của sự chính xác và rõ ràng trong dịch thuật quân sự. Chiến lược "Register Markedness" xuất hiện 9 lần (15,79%), cho thấy sự chú trọng vào việc điều chỉnh mức độ trang trọng, nhưng không quan trọng bằng sự rõ ràng trong dịch thuật. Chiến lược "Pragmatic Explicitation xuất hiện ít nhất với 6 lần (10,53%), chỉ ra rằng thuật ngữ này thường đã quen thuộc với đối tượng độc giả, không cần giải thích nhiều. Tổng thể, các chiến lược explicitation cho thấy một sự kết hợp chặt chẽ giữa sự rõ ràng và chính xác trong dịch thuật quân sự.

4.1.4. Explicitation in Translation of Term “Fire”

Chiến lược "Obligatory Explicitation" chiếm ưu thế với 13 lần (52%), nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đảm bảo tính chính xác trong việc truyền đạt nghĩa của thuật ngữ này. "Amplification" (mở rộng) và "Register Markedness" (đánh dấu phong cách) xuất hiện với tỷ lệ bằng nhau là 5 lần (20%), cho thấy rằng các chiến lược này cũng đóng vai trò quan trọng trong việc làm rõ nghĩa và đảm bảo tính trang trọng của bản dịch. "Pragmatic Explicitation" (giải thích thực tiễn) ít được sử dụng nhất với 2 lần (8%), cho thấy sự quen thuộc của độc giả với thuật ngữ này giúp bản dịch trực tiếp và không cần giải thích nhiều. Tổng thể, chiến lược "Obligatory Explicitation" chiếm ưu thế, chứng tỏ sự cần thiết của độ chính xác trong dịch thuật quân sự. Việc sử dụng các chiến lược đa dạng cho thấy một cách tiếp cận toàn diện trong việc truyền đạt thông tin quân sự.

4.1.5. Explicitation in Translation of Term “Combat”

Thuật ngữ "Combat" xuất hiện 28 lần trong bộ dữ liệu, phản ánh sự quan trọng của nó trong các cuộc thảo luận về các hoạt động quân sự. "Obligatory Explicitation" chiếm 39,29% (11 lần), cho thấy sự chú trọng vào việc đảm bảo tính chính xác và rõ ràng trong việc dịch thuật. Chiến lược "Amplification" cũng xuất hiện với 6 lần (21,43%), cho thấy cần cung cấp thêm thông tin để làm rõ các khái niệm phức tạp. "Register Markedness" xuất hiện 9 lần (32,14%), chỉ ra sự điều chỉnh về mức độ trang trọng hoặc tính chuyên môn của bản dịch. "Pragmatic Explicitation" xuất hiện ít nhất với 2 lần (7,14%), cho thấy đối tượng độc giả đã quen thuộc với thuật ngữ này, không cần giải thích quá nhiều. Nhìn chung, sự kết hợp giữa "Obligatory Explicitation" và "Amplification" giúp làm rõ và đảm bảo tính chính xác trong dịch thuật quân sự.

4.1.6. Explicitation in Translation of Term “Battle”

Thuật ngữ "Battle" xuất hiện 32 lần trong bộ dữ liệu, cho thấy sự quan trọng của nó trong các cuộc thảo luận về chiến lược quân sự. Chiến lược "Obligatory Explicitation" chiếm 40,63% (13 lần), nhấn mạnh việc cung cấp thông tin chính xác và chi tiết để đảm bảo sự hiểu biết rõ ràng về thuật ngữ. "Amplification" xuất hiện với 10 lần (31,25%), giúp cung cấp thêm bối cảnh và giải thích các yếu tố phức tạp liên quan đến chiến đấu. "Register Markedness" chiếm 18,75% (6 lần), cho thấy sự điều chỉnh mức độ trang trọng và chuyên môn, nhưng vẫn đảm bảo sự rõ ràng và dễ hiểu. Cuối cùng, "Pragmatic Explicitation" chỉ chiếm 9,38% (3 lần), cho thấy đối tượng độc giả đã quen thuộc với thuật ngữ, không cần quá nhiều giải thích thêm. Tổng thể, các chiến lược explicitation này đều nhằm mục đích nâng cao sự hiểu biết và đảm bảo tính chính xác trong dịch thuật quân sự.

4.2. Cách triển khai và chức năng của chiến lược tường minh trong dịch thuật ngữ quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt

4.2.1. Tường minh bắt buộc

Tường minh bắt buộc trong dịch thuật là việc bổ sung thông tin cần thiết do sự khác biệt về cấu trúc hoặc nghĩa giữa các ngôn ngữ, giúp bản dịch chính xác và rõ ràng hơn. Ví dụ, trong bản dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt, các thuật ngữ quân sự như "Fire Support Plan" được làm rõ với cụm từ "kế hoạch chi viện hỏa lực", để tránh sự mơ hồ. Các chi tiết bổ sung, như "phụ lục kèm theo", cũng được thêm vào để giải thích rõ ràng khái niệm tài liệu bổ sung, điều mà trong tiếng Anh có thể được hiểu ngầm nhưng cần phải diễn đạt cụ thể hơn trong tiếng Việt. Tương tự, thuật ngữ "Fire Support Sectors" được dịch thành "tiểu khu yểm trợ hỏa lực", với từ "tiểu khu" làm rõ ý nghĩa về một khu vực quân sự nhỏ, và "yểm trợ hỏa lực" giải thích rõ ràng vai trò của các đơn vị hỗ trợ hỏa lực.

Bên cạnh đó, khái niệm như "Fire Support Ship" trong tiếng Anh được dịch là "chiến hạm chi viện hỏa lực", trong đó "chiến hạm" làm rõ loại tàu chiến tham gia vào nhiệm vụ hỗ trợ hỏa lực, và "chi viện hỏa lực" giúp chỉ rõ chức năng của tàu chiến trong chiến đấu. Các thuật ngữ như "Combat Ratio to Service" cũng cần được giải thích rõ hơn trong tiếng Việt, với bản dịch "Tỷ lệ quân số chiến đấu và quân số đơn vị hậu cần" để làm rõ sự phân biệt giữa quân số tham gia chiến đấu và quân số hỗ trợ hậu cần.

Trong dịch thuật quân sự, điều quan trọng là phải bổ sung các chi tiết cần thiết để bản dịch dễ hiểu và chính xác. Tiếng Việt yêu cầu sự cụ thể và chi tiết hơn so với tiếng Anh, đặc biệt khi đề cập đến các thuật ngữ quân sự. Việc sử dụng chiến lược tường minh băt buộc giúp người đọc Việt Nam hiểu rõ vai trò và chức năng của các đơn vị quân đội, đồng thời tránh sự mơ hồ và sai sót trong việc áp dụng các thông tin. Những bổ sung này không chỉ giúp bản dịch trở nên chính xác hơn mà còn phù hợp với các chuẩn mực ngữ pháp và văn hóa của tiếng Việt, đặc biệt trong bối cảnh quân sự.

4.2.2. Tường minh thêm thắt

Tường minh thêm thắt là một chiến lược dịch thuật quan trọng, đặc biệt trong các văn bản quân sự, nhằm cung cấp thông tin bổ sung để làm rõ nghĩa và giúp người đọc hiểu chính xác hơn về các thuật ngữ chuyên ngành. Phương pháp này không chỉ bổ sung ngữ cảnh mà còn giải thích cụ thể những khái niệm phức tạp, từ đó tránh sự mơ hồ và đảm bảo rằng thông tin được truyền tải một cách chính xác, đặc biệt trong các tình huống yêu cầu sự chính xác tuyệt đối như trong quân đội.

Một trong những ví dụ điển hình của phương pháp khuếch đại là thuật ngữ "củng cố phòng ngự" (bolstering defense). Thuật ngữ này có thể được hiểu là việc tăng cường cơ sở hạ tầng phòng thủ hoặc nâng cao sự chuẩn bị tác chiến. Tuy nhiên, nếu dịch đơn giản, người đọc có thể hiểu sai rằng nó chỉ liên quan đến việc tăng cường sự chuẩn bị chung mà không hiểu rõ bản chất của việc củng cố. Trong bản dịch tiếng Việt, cụm từ "củng cố công sự phòng ngự / trận địa phòng ngự" đã được sử dụng để làm rõ rằng việc củng cố phòng ngự liên quan đến việc tăng cường các công trình phòng thủ vật lý như hào, chiến hào, lô cốt, và cả việc tái bố trí lực lượng quân đội tại các vị trí chiến thuật quan trọng. Cách khuếch đại này giúp người đọc hiểu chính xác rằng công việc này không chỉ là một chiến lược chung mà là một chuỗi hành động cụ thể, quan trọng trong việc chuẩn bị chiến đấu.

Một ví dụ khác về phương pháp khuếch đại là thuật ngữ "khu chi viện hỏa lực" (fire support sector), một khu vực hỗ trợ hỏa lực cho các lực lượng chiến đấu. Tuy nhiên, thuật ngữ này có thể thiếu tính chính xác nếu không có bối cảnh cụ thể. Bản dịch tiếng Việt "khu chi viện hỏa lực (đổ bộ đường biển)" và "tiểu khu yểm trợ hỏa lực" làm rõ rằng hỗ trợ hỏa lực này thường được triển khai trong các tình huống đổ bộ đường biển hoặc trong các khu vực chiến đấu có tính tổ chức cao. Thông qua việc bổ sung thông tin chi tiết như "đổ bộ đường biển", bản dịch giúp người đọc hiểu rằng hỗ trợ hỏa lực phải được điều chỉnh phù hợp với từng loại hình tác chiến, đặc biệt là trong các chiến dịch đổ bộ, nơi có yêu cầu đặc biệt về tốc độ và hiệu quả của việc triển khai hỏa lực.

Khái niệm "khóa sát hạch bắn đạn thật" (combat readiness marksmanship proficiency course) cũng là một thuật ngữ quân sự cần sự khuếch đại. Cụm từ này chỉ một khóa huấn luyện nhằm đánh giá khả năng bắn súng của binh sĩ, nhưng nếu chỉ dịch đơn thuần, người đọc có thể hiểu sai rằng đây chỉ là một khóa học lý thuyết hoặc mô phỏng. Bản dịch "khóa sát hạch bắn đạn thật" làm rõ rằng khóa huấn luyện này không chỉ đánh giá khả năng lý thuyết mà thực sự yêu cầu binh sĩ tham gia vào các bài tập thực tế với đạn thật. Việc khuếch đại này giúp đảm bảo rằng người đọc hiểu rằng đây là một khóa huấn luyện thực tế, giúp binh sĩ chuẩn bị cho những tình huống chiến đấu thật sự, nơi khả năng bắn súng chính xác và nhanh chóng đóng vai trò sống còn.

Cuối cùng, một ví dụ khác của phương pháp khuếch đại là thuật ngữ "nhóm phân tích kinh nghiệm hoạt động chiến đấu" (Operation Evaluation Group). Đây là nhóm chuyên trách đánh giá các hoạt động quân sự để rút ra bài học cho các chiến lược và chiến thuật tương lai. Tuy nhiên, nếu không làm rõ, thuật ngữ này có thể khiến người đọc hiểu rằng nhóm này chỉ đánh giá các hoạt động hành chính hay hậu cần, điều này có thể làm giảm độ chính xác của thông tin. Bản dịch "nhóm phân tích kinh nghiệm hoạt động chiến đấu" làm rõ rằng nhóm này chuyên phân tích các kinh nghiệm từ những tình huống chiến đấu thực tế, không phải các hoạt động khác như hậu cần hay hành chính. Việc khuếch đại này giúp người đọc hiểu rõ hơn về nhiệm vụ và mục tiêu của nhóm, từ đó nâng cao tính chính xác của các chiến lược và bài học rút ra từ những trận chiến thực tế.

Tóm lại, Tường minh thêm thắt trong dịch thuật quân sự đóng một vai trò rất quan trọng trong việc truyền tải chính xác các thuật ngữ và khái niệm phức tạp. Những ví dụ về "củng cố phòng ngự", "khu chi viện hỏa lực", "khóa sát hạch bắn đạn thật" và "nhóm phân tích kinh nghiệm hoạt động chiến đấu" đều cho thấy sự cần thiết của việc bổ sung thông tin để làm rõ mục đích và bối cảnh sử dụng các thuật ngữ này. Việc khuếch đại giúp tránh sự mơ hồ, đồng thời đảm bảo rằng thông tin được truyền tải một cách chính xác và đầy đủ, từ đó hỗ trợ việc ra quyết định và thực hiện các chiến lược quân sự một cách hiệu quả.

4.2.3. Tương minh ngữ dụng

Trong quá trình dịch thuật các văn bản quân sự, một trong những thách thức lớn là làm sao để chuyển tải đúng đắn và chính xác các thuật ngữ chuyên ngành. Trong bối cảnh này, tường minh ngữ dụng đóng vai trò quan trọng trong việc giúp bản dịch không chỉ chính xác về mặt ngữ nghĩa mà còn dễ hiểu và phù hợp với người đọc từ các nền văn hóa, ngôn ngữ khác nhau. Phương pháp này liên quan đến việc bổ sung thông tin ngữ cảnh cần thiết, nhằm đảm bảo rằng các thuật ngữ chuyên môn được giải thích rõ ràng và dễ tiếp cận, giúp người đọc không gặp phải sự mơ hồ hay hiểu sai về ý nghĩa thực sự của các thuật ngữ trong quân sự.

Một ví dụ điển hình về tường minh ngữ dụng là thuật ngữ "Defense on wide front" trong tiếng Anh, được dịch sang tiếng Việt là "phòng ngự trên chính diện rộng". Thuật ngữ này chỉ chiến lược phòng thủ mà trong đó lực lượng quân sự phân bổ lực lượng và tài nguyên phòng thủ trên một khu vực rộng lớn thay vì tập trung vào một khu vực hẹp. Việc dịch thuật này giúp người đọc Việt Nam hình dung rõ ràng hơn về quy mô và chiến lược phòng thủ của quân đội. Cụm từ "chính diện rộng" không chỉ đơn giản là dịch từ mà còn giúp làm rõ rằng phòng thủ không chỉ tập trung vào vài điểm quan trọng mà trải rộng khắp một khu vực lớn, từ đó làm rõ chiến thuật và tác động của nó trong thực tế quân sự.

Tương tự, thuật ngữ "Demoralize the defense" trong tiếng Anh, khi được dịch là "Làm mất tinh thần quân địch phòng ngự", không chỉ mô tả hành động chiến thuật mà còn giải thích rõ mục tiêu của chiến thuật này là làm suy yếu tinh thần chiến đấu của đối phương. Dịch như vậy giúp người đọc Việt Nam hiểu rõ rằng chiến thuật này nhằm mục đích đánh vào yếu tố tâm lý của quân địch, làm giảm tinh thần chiến đấu của họ, từ đó làm suy yếu khả năng phòng thủ. Nếu dịch đơn giản là "Làm suy yếu phòng ngự" mà không giải thích rõ yếu tố tâm lý, bản dịch sẽ mất đi sự chính xác và chiều sâu về chiến lược mà thuật ngữ này muốn truyền đạt.

Một ví dụ khác là thuật ngữ "Fire for Effect" trong quân sự, được dịch sang tiếng Việt là "Bắn tiêu diệt". Trong tiếng Anh, "Fire for Effect" là một mệnh lệnh trong tác chiến, yêu cầu lực lượng pháo binh hoặc vũ khí khác bắn để đạt được tác động tối đa vào mục tiêu sau khi đã điều chỉnh vị trí bắn. Thuật ngữ này, dù ngắn gọn và dễ hiểu trong ngữ cảnh quân sự, lại có thể gây khó hiểu nếu không được giải thích kỹ càng trong bản dịch. "Bắn tiêu diệt" không chỉ mô tả hành động bắn mà còn chỉ rõ mục tiêu của hành động là tiêu diệt mục tiêu, làm rõ hơn mục đích và chiến thuật của mệnh lệnh này.

Thuật ngữ "Fire from Defilade" là một ví dụ khác về việc áp dụng tường minh ngữ dụng trong dịch thuật quân sự. Trong tiếng Anh, "defilade" chỉ một vị trí được bảo vệ, che khuất khỏi tầm nhìn của đối phương. Tuy nhiên, khi dịch sang tiếng Việt, thuật ngữ này được chuyển thể thành "Bắn từ trận địa hỏa lực che khuất", với sự bổ sung thông tin về "trận địa hỏa lực" và "che khuất" giúp người đọc hiểu rõ hơn về bản chất của chiến thuật này. Thuật ngữ "Fire from Defilade" chỉ ra rằng lực lượng tấn công sẽ bắn từ các vị trí được che khuất, bảo vệ khỏi sự quan sát của đối phương, từ đó giảm thiểu rủi ro và tăng hiệu quả tấn công.

Tầm quan trọng của tường minh ngữ dụng trong dịch thuật quân sự

Những ví dụ trên cho thấy rằng tường minh ngữ dụng không chỉ giúp bản dịch chính xác mà còn giúp tăng cường sự hiểu biết và tiếp cận của người đọc đối với các thuật ngữ quân sự. Khi dịch các thuật ngữ chuyên ngành, đặc biệt là trong quân sự, những từ ngữ có tính chất khái quát và hàm súc cao cần được làm rõ để tránh hiểu lầm hoặc mất đi phần tinh tế trong chiến thuật. Đặc biệt trong các tình huống quân sự, việc truyền đạt chính xác thông điệp và chiến lược là cực kỳ quan trọng, vì sự hiểu lầm có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng.

Phương pháp này cũng giúp giải thích các thuật ngữ ngắn gọn trong tiếng Anh, vốn thường đòi hỏi một mức độ hiểu biết nền tảng về quân sự. Dịch thuật bằng cách bổ sung các yếu tố ngữ cảnh sẽ giúp người đọc không chỉ hiểu được nghĩa đen mà còn hiểu được mục đích, chiến thuật và tình huống mà thuật ngữ đó được sử dụng. Điều này giúp cải thiện khả năng thực thi chiến lược và nâng cao hiệu quả giao tiếp trong các tình huống quân sự.

Tường minh ngữ dụng là một phương pháp quan trọng trong dịch thuật quân sự, giúp làm rõ các thuật ngữ chuyên ngành và bảo đảm rằng thông điệp được truyền tải chính xác, dễ hiểu và không bị hiểu lầm. Việc bổ sung thông tin ngữ cảnh giúp người đọc không chỉ hiểu được nghĩa đen của thuật ngữ mà còn nhận thức được mục đích chiến lược đằng sau đó. Trong các tình huống quân sự, nơi sự chính xác là yếu tố quyết định, phương pháp này giúp đảm bảo rằng các chiến thuật và lệnh được thực hiện đúng đắn, tránh những sai sót có thể gây hậu quả nghiêm trọng.

4.2.4. Tường minh ngữ vực

Trong ngữ cảnh quân sự, việc sử dụng thuật ngữ chuyên ngành đóng vai trò quan trọng trong việc truyền đạt các chiến lược, kế hoạch, và các khái niệm kỹ thuật một cách chính xác và rõ ràng. Việc dịch các thuật ngữ quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt không chỉ đơn thuần là việc tìm kiếm từ tương đương, mà còn phải chú ý đến sự chuyển đổi về mức độ trang trọng, tính chính xác và phù hợp với bối cảnh sử dụng. Dưới đây là một số ví dụ về cách thức các thuật ngữ quân sự được chuyển ngữ và sự thay đổi trong mức độ trang trọng cũng như sự rõ ràng của ý nghĩa qua các bản dịch.

1. "Hasty defense" - "Phòng ngự lâm thời"

Thuật ngữ "hasty defense" trong tiếng Anh thường được sử dụng để chỉ một hệ thống phòng thủ được thiết lập vội vã trong tình huống khẩn cấp, thường là khi có nguy cơ tấn công ngay lập tức. Trong tiếng Việt, thuật ngữ này được dịch là "phòng ngự lâm thời," với "lâm thời" mang hàm ý rõ ràng về tính tạm thời và tình thế. Sự khác biệt rõ rệt giữa hai ngôn ngữ là ở mức độ trang trọng và độ cụ thể của thuật ngữ. Trong khi "hasty defense" có thể nghe có vẻ hơi thông tục và chủ yếu chỉ ra sự khẩn cấp, thì "phòng ngự lâm thời" trong tiếng Việt lại nhấn mạnh yếu tố chiến lược và tính chất tạm thời của hệ thống phòng thủ, điều này phù hợp với đặc thù ngôn ngữ quân sự ở Việt Nam, nơi tính chính thức và rõ ràng luôn được đặt lên hàng đầu.

2. "Force-Sensing" - "Sự đánh giá điểm nổ"

Thuật ngữ "Force-Sensing" liên quan đến việc phát hiện và đánh giá các yếu tố tác động, như vị trí của các quả đạn hoặc thiết bị nổ. Trong bản dịch sang tiếng Việt, "Force-Sensing" được dịch là "Sự đánh giá điểm nổ," với "đánh giá" mang tính phân tích và chỉ ra quá trình kiểm tra kỹ lưỡng. Cả hai từ "đánh giá" và "điểm nổ" đều mang tính chuyên ngành và thường được sử dụng trong ngữ cảnh quân sự, nhấn mạnh tính chính xác và sự nghiêm túc của quá trình này. Việc sử dụng cụm từ "Sự đánh giá" cũng cho thấy sự chuyên nghiệp và phân tích kỹ lưỡng trong hoạt động quân sự, điều này là rất quan trọng trong các chiến dịch có liên quan đến nguy hiểm từ vũ khí.

3. "Defense Highway" - "Đường ô tô quân sự"

Thuật ngữ "Defense Highway" mang một ý nghĩa chung về một tuyến đường hỗ trợ các hoạt động quân sự. Tuy nhiên, bản dịch tiếng Việt, "Đường ô tô quân sự," lại nhấn mạnh rõ ràng hơn về mục đích và đối tượng sử dụng của tuyến đường này. Sự bổ sung từ "quân sự" (military) trong bản dịch đã tạo ra một mức độ cụ thể và chính thức, đồng thời làm rõ đối tượng sử dụng chính là quân đội. Điều này giúp tránh nhầm lẫn với các tuyến đường dân sự, đồng thời phù hợp với đặc thù quân sự của tiếng Việt, nơi các thuật ngữ thường mang tính chuyên biệt và rõ ràng.

4. "Defense in Depth" - "Phòng ngự thành thế đội có chiều sâu"

"Defense in Depth" là một chiến thuật quân sự phức tạp, yêu cầu các lớp phòng thủ được xây dựng vững chắc để chống lại sự tấn công của kẻ thù. Thuật ngữ này được dịch sang tiếng Việt là "Phòng ngự thành thế đội có chiều sâu," một bản dịch không chỉ giữ nguyên tính chiến thuật mà còn làm rõ hơn bản chất của chiến lược này. Sự sử dụng từ "thành thế đội có chiều sâu" mô tả một cách chi tiết hơn về chiến thuật này, làm cho thuật ngữ trở nên dễ hiểu và chính xác hơn trong bối cảnh quân sự Việt Nam. Bản dịch này giúp nhấn mạnh rằng phòng ngự không chỉ là một lớp mà là một hệ thống các lớp phòng thủ kết hợp, tạo thành một chiến lược sâu rộng.

5. "Defense in Place" - "Phòng ngự cố định"

Trong một chiến lược "Defense in Place," các lực lượng quân đội sẽ bảo vệ một vị trí cố định thay vì di chuyển hoặc thay đổi vị trí. Thuật ngữ này được dịch sang tiếng Việt là "Phòng ngự cố định," với từ "cố định" rõ ràng chỉ ra tính chất không di động của chiến thuật này. Bản dịch này giữ nguyên tính chất quân sự chính xác và thể hiện rõ ràng trong bối cảnh chiến lược phòng thủ. "Cố định" là một từ phổ biến trong quân sự Việt Nam, chỉ ra rằng lực lượng phòng ngự sẽ không thay đổi vị trí mà chỉ tập trung vào bảo vệ các điểm chiến lược.

6. "Operation Officer" - "Sĩ quan tác chiến"

"Sĩ quan tác chiến" là bản dịch của thuật ngữ "Operation Officer," và sự chuyển ngữ này không chỉ đơn giản là dịch từ ngữ mà còn thể hiện sự trang trọng và tính chất chuyên môn của vai trò này trong quân đội. "Sĩ quan" mang tính chất cấp bậc quân sự, còn "tác chiến" chỉ rõ lĩnh vực công việc mà sĩ quan này phụ trách, đó là việc lập kế hoạch và chỉ đạo các hoạt động chiến đấu. Thuật ngữ này có tính chất rõ ràng và trang trọng, phản ánh sự nghiêm túc và chuyên môn trong ngữ cảnh quân sự Việt Nam, nơi mọi vai trò và cấp bậc đều được diễn đạt bằng ngôn ngữ chính thức và đầy đủ.

7. "Combat Vehicle Weapon System" - "Tổ hợp vũ khí của xe chiến"

Cuối cùng, thuật ngữ "Combat Vehicle Weapon System" được dịch là "Tổ hợp vũ khí của xe chiến" trong tiếng Việt. Cụm từ "tổ hợp vũ khí" đặc biệt nhấn mạnh tính phức tạp và sự kết hợp của nhiều loại vũ khí khác nhau được trang bị trên các phương tiện chiến đấu. Bản dịch này sử dụng các thuật ngữ chính xác và đặc thù của quân đội Việt Nam để làm rõ chức năng và mục đích của hệ thống vũ khí này, đồng thời tạo sự rõ ràng cho người đọc về mối liên hệ giữa vũ khí và phương tiện chiến đấu.

Như vậy, việc dịch các thuật ngữ quân sự không chỉ đơn giản là việc tìm từ tương đương, mà còn phải đảm bảo sự chính xác về ngữ nghĩa, mức độ trang trọng và sự thích ứng với bối cảnh văn hóa của ngôn ngữ đích. Việc sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành trong bản dịch giúp duy trì sự chính xác và tính chuyên nghiệp của thông điệp, đồng thời giúp người đọc dễ dàng hiểu được các chiến lược và kế hoạch quân sự trong từng ngữ cảnh cụ thể.

KẾT LUẬN

Chương 5 của nghiên cứu này đi vào phân tích tác động của việc sử dụng chiến lược giải thích (explicitation) trong việc dịch các văn bản quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Nghiên cứu làm rõ ảnh hưởng của các chiến lược giải thích đối với thực hành dịch thuật quân sự, lý thuyết dịch thuật, và phương pháp nghiên cứu. Đồng thời, chương này cũng chỉ ra những hạn chế của nghiên cứu và đưa ra các hướng nghiên cứu trong tương lai.

5.1. Tóm tắt nghiên cứu

Nghiên cứu này tìm hiểu vai trò của chiến lược giải thích trong dịch thuật các thuật ngữ quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt, sử dụng phương pháp nghiên cứu dựa trên tập hợp dữ liệu (corpus-based). Kết quả cho thấy, việc đảm bảo tính rõ ràng và chính xác trong giao tiếp quân sự là vô cùng quan trọng, đặc biệt trong các tình huống mà thông tin chính xác ảnh hưởng đến hiệu quả chiến thuật. Các chiến lược giải thích phổ biến nhất trong dịch thuật quân sự tường minh thêm thăt (amplification) và tường minh bắt buộc (obligatory explicitation), trong khi các chiến lược khác như tường minh ngữ vực (register markedness) và tường minh ngữ dụng (pragmatic explicitation) ít được sử dụng hơn. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng mục tiêu của việc áp dụng các chiến lược này là đảm bảo sự rõ ràng và chính xác trong thông điệp truyền tải.

5.2. Đóng góp của nghiên cứu

Về lý thuyết, nghiên cứu làm phong phú thêm khung lý thuyết về giải thích trong nghiên cứu dịch thuật, đặc biệt trong bối cảnh dịch thuật quân sự. Bằng việc phân tích chi tiết các chiến lược giải thích như mở rộng thông tin và giải thích bắt buộc, nghiên cứu giúp hiểu rõ hơn cách thức những chiến lược này nâng cao tính rõ ràng và chính xác trong bản dịch. Về phương pháp, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích dựa trên tập hợp dữ liệu, qua đó cung cấp một mô hình nghiên cứu có thể áp dụng cho các nghiên cứu dịch thuật trong tương lai. Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu sẽ giúp các dịch giả quân sự cải thiện chất lượng dịch thuật, đặc biệt trong các tình huống yêu cầu giao tiếp chính xác và nhanh chóng.

5.3. Ý nghĩa

Về lý thuyết dịch thuật: Nghiên cứu mở rộng hiểu biết về cách thức giải thích ảnh hưởng đến việc chuyển tải nghĩa trong ngữ cảnh quân sự, nhấn mạnh vai trò của ngữ cảnh văn hóa và các yếu tố tình huống. Về ngữ cảnh quân sự: Việc hiểu rõ ngữ cảnh văn hóa là quan trọng vì thuật ngữ quân sự phản ánh giá trị và thực tiễn văn hóa của từng quốc gia. Về tính biến động ngữ nghĩa: Dịch thuật giúp phân tích sự thay đổi ngữ nghĩa khi thuật ngữ quân sự chuyển ngữ qua các ngôn ngữ khác nhau, giúp phát hiện sự ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa và chính trị đến lựa chọn dịch thuật.

Về phương pháp luận: Phương pháp nghiên cứu sử dụng kết hợp phân tích định tính và định lượng cho thấy hiệu quả của việc áp dụng phương pháp nghiên cứu dựa trên dữ liệu lớn. Về nghiên cứu thực tiễn: Kết quả nghiên cứu cung cấp các chiến lược giải thích hữu ích, giúp dịch giả quân sự có thêm công cụ để nâng cao độ chính xác và sự rõ ràng trong bản dịch quân sự.

5.4. Hạn chế của nghiên cứu

Một số hạn chế của nghiên cứu này bao gồm phạm vi nghiên cứu chỉ giới hạn trong các sách hướng dẫn quân sự, không bao gồm các loại văn bản quân sự khác như báo cáo tác chiến hay tài liệu huấn luyện. Phân tích chủ yếu dựa vào các thuật ngữ quân sự phổ biến, do đó không phản ánh đầy đủ cách sử dụng chiến lược giải thích trong tất cả các văn bản quân sự. Hơn nữa, nghiên cứu không bao gồm phỏng vấn các dịch giả quân sự, khiến thông tin thu thập được có thể thiếu tính thực tế và không phản ánh đầy đủ thách thức trong quá trình dịch thuật.

5.5. Đề xuất cho nghiên cứu trong tương lai

Nghiên cứu tương lai có thể mở rộng phạm vi văn bản nghiên cứu, bao gồm các tài liệu quân sự khác ngoài sách hướng dẫn. Nghiên cứu cũng nên thu thập ý kiến từ các dịch giả quân sự để hiểu rõ hơn về kinh nghiệm và phương pháp dịch thuật của họ. Ngoài ra, việc mở rộng kích thước và tính đa dạng của tập hợp dữ liệu sẽ giúp nghiên cứu có được cái nhìn toàn diện hơn về cách thức sử dụng chiến lược giải thích trong các tình huống quân sự khác nhau.

Nghiên cứu cũng nên xem xét ảnh hưởng của ngữ cảnh văn hóa đối với việc dịch thuật các thuật ngữ quân sự, đặc biệt là trong các tình huống khủng hoảng hoặc trong bối cảnh hợp tác quân sự quốc tế. Việc nghiên cứu tác động của công nghệ dịch thuật, như công cụ dịch máy, cũng sẽ là một hướng nghiên cứu thú vị trong tương lai.

5.6. Lời kết

Kinh nghiệm của tác giả trong việc dịch thuật cho các cuộc hội thảo quân sự quốc tế cho thấy chiến lược giải thích là công cụ thiết yếu để đảm bảo tính rõ ràng và hiệu quả trong giao tiếp quân sự, đặc biệt khi thuật ngữ quân sự chứa đựng các yếu tố văn hóa và kỹ thuật phức tạp. Mặc dù có thể làm thay đổi nghĩa gốc của văn bản, nhưng chiến lược giải thích giúp tạo ra sự hiểu biết chung giữa các bên tham gia, đặc biệt là trong bối cảnh hợp tác quân sự quốc tế.

DANH MỤC NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ

Đoàn Xuân Phú (2020). Áp dụng nghiên cứu dịch thuật so sánh trong dịch văn bản quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt Hội thảo khoa học quốc tế năm 2020 và Diễn đàn lần thứ 10 về nghiên cứu giảng dạy tiếng Hán khu vực Đông Á dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh, tr. 467-475. Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN: Nxb ĐHQGHN.

Đoàn Xuân Phú (2021). Dịch thuật ngữ quân sự từ tiếng Anh sang tiếng Việt theo hướng tiếp cận khối liệu song song. Hội thảo khoa học quốc tế năm 2021 dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh, 833-841. Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN: Nxb ĐHQGHN.

Đoàn Xuân Phú (2024). Chiến lược tường minh trong dich thuật ngữ "combat" từ tiếng Anh sang tiếng Việt: nghiên cứu dựa trên khối liệu. Hội thảo khoa học quốc tế năm 2021 dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh, 944-953. Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN: Nxb ĐHQGHN.